Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-11-04 08:05:03 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2034/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 107-KL/TW ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế

(Kèm theo Quyết định số 2034/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện Kết luận số 107-KL/TW; bảo đảm việc rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm gắn với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Sử dụng kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm làm căn cứ xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền và điều kiện thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

c) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ, năng suất và hiệu quả công việc; đổi mới phương thức thực hiện nhiệm vụ, chuyển đổi số và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

2. Yêu cầu

a) Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 107-KL/TW; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.

b) Xác định rõ kết quả cần đạt được, trách nhiệm của cơ quan thực hiện và thời hạn hoàn thành đối với từng nhiệm vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện.

c) Việc rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình công việc, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm và yêu cầu năng lực; không lấy số lượng người hiện có hoặc biên chế được giao làm căn cứ trực tiếp để xác định vị trí việc làm.

d) Việc xác định nhu cầu nhân lực phải từ nhiệm vụ, sản phẩm, khối lượng, tần suất, mức độ phức tạp, chất lượng, thời gian, địa bàn, điều kiện thực hiện và năng lực cần thiết; không đồng nhất nhu cầu nhân lực theo yêu cầu công việc với biên chế đề xuất và biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Thực hiện thống nhất yêu cầu, phương pháp và biểu mẫu theo Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ban Tổ chức Trung ương về rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, xác định nhu cầu nhân lực và xây dựng phương án biên chế trong hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW); kế thừa, sử dụng dữ liệu, kết quả đã được rà soát, xác nhận, phê duyệt còn phù hợp; không tạo thêm hồ sơ, biểu mẫu hoặc chế độ báo cáo trùng lặp.

e) Gắn việc rà soát vị trí việc làm với đổi mới phương thức thực hiện nhiệm vụ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, tổ chức công việc dùng chung và phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực; bảo đảm kết quả rà soát được sử dụng thực chất trong quản lý, sử dụng nhân lực và biên chế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức thực hiện công việc

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; xác định những nội dung thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, chuyển giao nhiệm vụ và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát việc phân công nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; làm rõ nhiệm vụ tiếp tục thực hiện, nhiệm vụ mới được giao, nhiệm vụ chuyển giao, nhiệm vụ không còn thực hiện hoặc thay đổi về phạm vi, đối tượng, quy trình và trách nhiệm giải quyết.

c) Trên cơ sở kết quả rà soát, xác định những công việc, công đoạn còn chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót hoặc chưa rõ trách nhiệm; đánh giá khả năng điều chỉnh quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, tổ chức thực hiện tập trung hoặc dùng chung, giao tự chủ, đặt hàng, đấu thầu, xã hội hóa dịch vụ công theo quy định.

d) Đối với nhiệm vụ có khả năng thay đổi phương thức thực hiện, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương đánh giá điều kiện thực hiện, tác động đến khối lượng công việc, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và nhu cầu nhân lực. Đối với nội dung cần điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tổ chức bộ máy hoặc cơ chế thực hiện vượt thẩm quyền, tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Việc đề xuất phân cấp, phân quyền phải gắn với phân định rõ trách nhiệm, điều kiện tổ chức thực hiện và nguồn lực cần thiết; bảo đảm nhiệm vụ được giao có cơ quan chịu trách nhiệm, có điều kiện thực hiện và không làm phát sinh chồng chéo về thẩm quyền.

2. Xác định vị trí việc làm

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức thực hiện công việc; kế thừa các danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực đã được phê duyệt, xác nhận và còn phù hợp; cập nhật những nội dung thay đổi, còn thiếu hoặc chưa được kiểm chứng.

b) Việc hoàn thiện vị trí việc làm phải phản ánh đúng nhiệm vụ, công việc chủ yếu, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm, quan hệ công tác và yêu cầu năng lực; phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc, đặc thù ngành, lĩnh vực, địa bàn và mô hình tổ chức. Đối với nhiệm vụ được chuyển giao, phân cấp, phân quyền hoặc thay đổi phương thức thực hiện, phải xác định rõ phần việc còn lại, phần việc phát sinh và trách nhiệm thực hiện ở từng cấp, từng cơ quan, đơn vị.

c) Chủ động điều chỉnh, thiết kế lại vị trí việc làm khi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc phương thức thực hiện thay đổi. Trường hợp có nội dung cần điều chỉnh thuộc thẩm quyền của cơ quan khác, cơ quan quản lý tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Xác định nhu cầu nhân lực theo vị trí việc làm

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xác định nhu cầu nhân lực theo từng vị trí việc làm trên cơ sở nhiệm vụ, sản phẩm, khối lượng, tần suất, mức độ phức tạp, chất lượng, thời gian, địa bàn, điều kiện thực hiện và năng lực cần thiết thực hiện nhiệm vụ; lựa chọn phương pháp xác định phù hợp với tính chất của từng nhóm công việc theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan có thẩm quyền.

b) Việc xác định nhu cầu nhân lực phải tính đến tác động của sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, chuyển giao nhiệm vụ, thay đổi quy trình, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, tổ chức công việc dùng chung, thực hiện tự chủ, đặt hàng, đấu thầu và xã hội hóa dịch vụ công theo quy định. Đối với công việc khó lượng hóa bằng thời gian hoặc sản phẩm định lượng, phải căn cứ đặc điểm nhiệm vụ, mức độ phức tạp, trách nhiệm, tiến độ và yêu cầu năng lực để đánh giá phù hợp; không quy đổi cơ học thành số lượng nhân lực khi chưa có căn cứ. Không đồng nhất một vị trí việc làm với một cá nhân hoặc một chỉ tiêu biên chế; không tự động quy đổi nhu cầu nhân lực thành chỉ tiêu biên chế.

c) Số liệu về khối lượng công việc, thời gian thực hiện và nhân lực hiện có phải xác định rõ phạm vi, kỳ thống kê, nguồn dữ liệu và cơ quan xác nhận. Đối với nhiệm vụ mới phát sinh, nhiệm vụ mới chuyển giao hoặc đơn vị chưa có đủ thời gian thống kê, phải thuyết minh rõ cơ sở xác định, không cơ học quy đổi số liệu của thời gian ngắn thành số liệu cả năm.

4. Xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031

a) Trên cơ sở nhu cầu nhân lực đã xác định, các bộ, cơ quan, địa phương đối chiếu với đội ngũ hiện có; xác định đúng nơi thừa, nơi thiếu, nơi bố trí chưa phù hợp về cơ cấu chuyên môn và chất lượng; ưu tiên sắp xếp, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả nhân lực hiện có trước khi đề xuất điều chỉnh biên chế. Trên cơ sở đó, xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 theo từng năm, có thuyết minh về cơ sở dự báo, thay đổi nhiệm vụ, quy mô hoạt động và điều kiện bảo đảm thực hiện.

b) Phương án biên chế phải phân biệt rõ nhu cầu nhân lực theo yêu cầu công việc với số lượng biên chế đề xuất và biên chế được cấp có thẩm quyền giao; phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ, khả năng cân đối nguồn lực và quy định về quản lý biên chế. Không lấy số lượng nhân lực tính toán được làm căn cứ tự động đề xuất tăng biên chế hoặc thay thế thẩm quyền quyết định biên chế.

c) Bộ Nội vụ chủ trì tổng hợp, rà soát tính thống nhất của kết quả xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ; phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đánh giá điều kiện bảo đảm thực hiện, xử lý những nội dung khác biệt, chưa thống nhất thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định theo thẩm quyền

a) Các bộ, cơ quan, địa phương căn cứ kết quả rà soát chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, nhu cầu nhân lực và những vướng mắc phát sinh để rà soát văn bản quy phạm pháp luật, quy định, tiêu chuẩn, định mức thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn và thẩm quyền được giao; xác định nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới theo quy định.

b) Các đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung cần xử lý, cơ quan chủ trì, thẩm quyền quyết định và tiến độ dự kiến; bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với đặc điểm công việc và yêu cầu quản lý của từng ngành, lĩnh vực.

c) Việc xây dựng, hoàn thiện quy định, phương pháp, tiêu chuẩn, định mức chuyên ngành phải bảo đảm phù hợp với đặc điểm công việc và lĩnh vực quản lý; không tạo ra các phương pháp, biểu mẫu riêng trùng lặp, gây khó khăn cho việc đối chiếu, tổng hợp và sử dụng dữ liệu thống nhất.

d) Những nội dung vượt thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương phải được tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; không tự đặt ra quy định hoặc áp dụng cách thức xác định vị trí việc làm, nhu cầu nhân lực và biên chế trái với quy định, hướng dẫn thống nhất.

đ) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương rà soát các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến vị trí việc làm, quản lý, sử dụng đội ngũ và biên chế thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ; tổng hợp, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu vị trí việc làm

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức thu thập, cập nhật, chuẩn hóa và kiểm chứng dữ liệu về vị trí việc làm, nhân lực và biên chế theo yêu cầu, phương pháp, biểu mẫu thống nhất; bảo đảm dữ liệu có nguồn gốc, phạm vi, thời kỳ thống kê và cơ quan xác nhận rõ ràng, phản ánh đúng tình hình thực tế.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu và kết quả rà soát thuộc phạm vi quản lý. Nội dung chưa được kiểm chứng phải được xác định rõ nguyên nhân, phương án và thời hạn hoàn thiện; không sử dụng số liệu chưa được xác nhận làm căn cứ trực tiếp để kết luận nhu cầu nhân lực hoặc đề xuất biên chế.

c) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương chuẩn hóa, đối chiếu, tổng hợp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan liên quan trong việc cập nhật, tích hợp dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu vị trí việc làm thống nhất của hệ thống chính trị theo yêu cầu và tiến độ chung.

d) Việc quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm thống nhất, thuận lợi cho việc tổng hợp, đối chiếu, cập nhật và sử dụng trong quản lý nhà nước; tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, thông tin cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Việc cập nhật, kết nối dữ liệu phải kế thừa thông tin đã được kiểm chứng; chỉ bổ sung, điều chỉnh những nội dung có thay đổi, còn thiếu hoặc chưa bảo đảm độ tin cậy. Không yêu cầu cơ quan, đơn vị lập lại dữ liệu đã có thể khai thác, sử dụng hợp pháp từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có.

7. Gắn kết quả hoàn thiện vị trí việc làm với quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ

a) Các bộ, cơ quan, địa phương sử dụng kết quả rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm làm căn cứ bố trí, sử dụng, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ theo quy định; bảo đảm người được bố trí đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu thực hiện công việc.

b) Việc quản lý, sử dụng đội ngũ phải gắn với kết quả, chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; chú trọng khắc phục tình trạng bố trí nhân lực không phù hợp với yêu cầu công việc, trùng lặp nhiệm vụ hoặc chưa khai thác hiệu quả năng lực của đội ngũ hiện có.

c) Trên cơ sở kết quả xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng giải pháp bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ phù hợp; ưu tiên các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng công việc, cơ cấu lại đội ngũ và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có trước khi đề xuất nhu cầu bổ sung.

d) Việc gắn vị trí việc làm với tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách và cải cách tiền lương được thực hiện theo quy định của pháp luật và lộ trình, chủ trương của cấp có thẩm quyền; bảo đảm thống nhất với yêu cầu hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm và quản lý biên chế.

8. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, xử lý vướng mắc theo quy định

a) Các bộ, ngành, địa phương thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu tại Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW; không lập báo cáo, biểu mẫu song song khi đã có dữ liệu được xác nhận và có thể sử dụng lại.

b) Đối với khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương chủ động xử lý. Đối với vấn đề liên ngành, liên cấp chưa thống nhất, Bộ Nội vụ chủ trì tổng hợp, phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất phương án xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(Chi tiết phân công triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ

a) Là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý của Chính phủ; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương bảo đảm thống nhất với yêu cầu, phương pháp, biểu mẫu và tiến độ chung.

b) Chủ trì rà soát, hoàn thiện các nội dung về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng đội ngũ và biên chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ xử lý những vấn đề liên ngành, liên cấp phát sinh trong quá trình thực hiện; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Tổng hợp kết quả rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; tổng hợp nhu cầu nhân lực và phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 thuộc phạm vi quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ; rà soát tính đầy đủ, thống nhất, khả năng kiểm chứng của số liệu; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương theo yêu cầu.

d) Tổng hợp kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đề xuất giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương.

đ) Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề cần chỉ đạo, điều hành hoặc xem xét, quyết định.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ

a) Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; phân công trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và chất lượng kết quả thực hiện.

b) Trực tiếp chỉ đạo rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức thực hiện công việc, vị trí việc làm, nhu cầu nhân lực và phương án biên chế thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Rà soát các quy định, cơ chế, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực; chủ động xử lý nội dung thuộc thẩm quyền và đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc chưa thống nhất.

d) Chỉ đạo cập nhật, kiểm chứng dữ liệu; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và thống nhất của kết quả rà soát, nhu cầu nhân lực và phương án biên chế thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Nội vụ trong tổng hợp, xử lý các vấn đề liên ngành.

đ) Gửi kết quả thực hiện, kiến nghị và phương án xử lý theo yêu cầu, tiến độ chung; chủ động giải quyết khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền đối với nội dung vượt thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và điều kiện thực tiễn của địa phương; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

b) Rà soát việc phân công nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã; đánh giá tác động của phân cấp, phân quyền, chuyển giao nhiệm vụ và điều kiện tổ chức thực hiện đến khối lượng công việc, vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực tại từng cấp.

c) Hoàn thiện vị trí việc làm, xác định nhu cầu nhân lực gắn với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng hợp lý đội ngũ hiện có và khả năng bảo đảm nguồn lực.

d) Rà soát, đề xuất xử lý các vấn đề về cơ chế, chính sách, quy định thuộc thẩm quyền; chủ động giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với nội dung vượt thẩm quyền.

đ) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu, kết quả rà soát và phương án đề xuất; gửi báo cáo theo yêu cầu, tiến độ chung và phối hợp với Bộ Nội vụ trong tổng hợp, xử lý những vấn đề liên ngành, liên cấp.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương đánh giá điều kiện bảo đảm nguồn lực tài chính, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về đẩy mạnh tự chủ, đặt hàng, đấu thầu, xã hội hóa dịch vụ công cơ bản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 10 tháng 11 năm 2026; tham gia ý kiến đối với các đề xuất có liên quan đến nguồn lực và tác động ngân sách theo thẩm quyền.

5. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; tổng hợp, tham mưu đưa các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc cần chỉ đạo liên ngành vào chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ, chất lượng và tính chính xác của kết quả thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương phối hợp chặt chẽ trong thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Ban Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ được thành lập tại Quyết định số 2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm thống nhất về dữ liệu và kết quả rà soát, không làm phát sinh yêu cầu báo cáo trùng lặp. Các nội dung thuộc trách nhiệm chỉ đạo, điều phối và xử lý công việc của Ban Chỉ đạo được thực hiện theo Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Ngay sau khi Kế hoạch được ban hành, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý; bảo đảm thống nhất với Kết luận số 107-KL/TW, Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW và yêu cầu, tiến độ chung do cơ quan có thẩm quyền xác định.

2. Trong Quý IV năm 2026, tập trung hoàn thành việc rà soát, cập nhật và kiểm chứng các thông tin, dữ liệu cần thiết; xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp các vấn đề về cơ chế, chính sách, quy định cần xử lý theo thẩm quyền.

3. Trong năm 2026, phối hợp thực hiện việc cập nhật, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu về vị trí việc làm thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ với hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất của hệ thống chính trị theo yêu cầu, tiến độ của cơ quan có thẩm quyền.

4. Từ năm 2027, tiếp tục hoàn thiện vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, phương pháp xác định nhu cầu nhân lực và dữ liệu; rà soát, cập nhật khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, phương thức thực hiện nhiệm vụ hoặc yêu cầu quản lý. Từng bước sử dụng kết quả rà soát trong quản lý, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ, quản lý biên chế theo quy định.

5. Các mốc tiến độ cụ thể trong quá trình rà soát, tổng hợp và báo cáo được thực hiện thống nhất với Kết luận số 107-KL/TW, Hướng dẫn số 7-HD/BTCTW và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm chất lượng kết quả, không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp chung.

6. Bộ Nội vụ tổng hợp kết quả thực hiện của các bộ, cơ quan, địa phương, rà soát tính thống nhất của dữ liệu, kết quả xác định nhu cầu nhân lực và phương án biên chế; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương theo tiến độ, yêu cầu chung của cấp có thẩm quyền.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, ngành, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao./.

Phụ lục

NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 107-KL/TW

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 2034/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC NHIỆM VỤ TỪ NAY ĐẾN HẾT NĂM 2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
1.	Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai Kết luận số 107-KL/TW và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương đối với khối hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ	Văn bản của Bộ Nội vụ	Ngày 23/10/2026
2.	Báo cáo về việc hoàn thiện quy định khung về danh mục, bản mô tả công việc, khung năng lực, tiêu chuẩn, định mức vị trí việc làm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân các cấp, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Kết luận của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan, địa phương	Báo cáo của Ban Chỉ đạo	Trước ngày 30/11/2026
3.	Rà soát các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan, địa phương mình và các tổ chức bên trong, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập, từ đó phân rã nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ khối lượng công việc được giao.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Nội vụ	Báo cáo kết quả rà soát	Trước ngày 30/10/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
4.	Thực hiện lập, kê khai các biểu mẫu theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Nội vụ	Bộ biểu mẫu được điền đủ các dữ liệu theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương	Trước ngày 01/11/2026
5.	- Xây dựng chuyên đề về đánh giá kết quả chuyển đổi số phục vụ rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm; công khai số liệu dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công toàn trình; xác định dữ liệu hệ thống có thể khai thác, kết nối và tác động thực tế của chuyển đổi số đến quy trình, khối lượng, thời gian thực hiện công việc và nhiệm vụ phát sinh; đề xuất giải pháp và lộ trình thực hiện. - Xây dựng, đề xuất danh mục nhiệm vụ, công việc, công đoạn có thể cắt giảm, thay thế hoặc phân cấp trên cơ sở chuyên đề, báo cáo Lãnh đạo Chính phủ cho ý kiến hoàn thiện.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Chính phủ; các bộ quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Báo cáo chuyên đề, trong đó đề xuất danh mục nhiệm vụ, công việc, công đoạn có thể cắt giảm, thay thế hoặc phân cấp.	Trước ngày 10/11/2026
6.	Xây dựng cơ sở dữ liệu vị trí việc làm trong phạm vi quản lý của Chính phủ	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan, địa phương	Hệ thống cơ sở dữ liệu vị trí việc làm trong phạm vi quản lý của Chính phủ	Trước ngày 31/12/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
7.	- Xây dựng chuyên đề về phương án cắt giảm, thay thế công việc, công đoạn bằng ứng dụng công nghệ thông tin - Xây dựng danh mục đề xuất nhiệm vụ công việc, công đoạn có thể cắt giảm, thay thế hoặc phân cấp trên cơ sở chuyên đề	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ	- Báo cáo chuyên đề; - Nghị quyết của Chính phủ	Trước ngày 10/11/2026
8.	- Xây dựng chuyên đề về phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính - Xây dựng danh mục đề xuất nhiệm vụ công việc, công đoạn có thể cắt giảm, thay thế hoặc phân cấp trên cơ sở chuyên đề	Bộ Tư pháp	Văn phòng Chính phủ; Bộ Nội vụ; các bộ, cơ quan ngang bộ	- Báo cáo chuyên đề - Nghị quyết của Chính phủ	Trước ngày 10/11/2026
9.	- Xây dựng chuyên đề về rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế thúc đẩy tự chủ, đặt hàng, đấu thầu, xã hội hoá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu - Xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về cơ chế, chính sách đẩy mạnh tự chủ, đặt hàng, đấu thầu, xã hội hoá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu	Bộ Tài chính	Bộ Tư pháp; các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	- Báo cáo chuyên đề - Nghị định của Chính phủ về cơ chế, chính sách đẩy mạnh tự chủ, đặt hàng, đấu thầu, xã hội hoá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu	Trước ngày 20/12/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
10.	Xây dựng chuyên đề về phân cấp, phân quyền. Xây dựng danh mục đề xuất nhiệm vụ công việc, công đoạn có thể cắt giảm, thay thế hoặc phân cấp trên cơ sở chuyên đề	Bộ Nội vụ	Bộ Tư pháp; các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	- Báo cáo chuyên đề - Nghị quyết của Chính phủ	Trước ngày 10/11/2026 Trước ngày 31/12/2026
11.	Tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ công việc, công đoạn có thể cắt giảm, thay thế hoặc phân cấp thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo để hoàn thiện.	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ được phân công thực hiện chuyên đề.	Báo cáo gửi Ban Tổ chức Trung ương	Trước ngày 10/11/2026
12.	Các bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát, tập hợp, chuẩn bị các nội dung, hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo các bảng biểu bảo đảm đủ cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác kiểm chứng sau khi kê khai.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Nội vụ	Hồ sơ tài liệu gồm: (i) Văn bản chức năng, nhiệm vụ của cơ quan[1]; (ii) Văn bản chức năng, nhiệm vụ của tổ chức trực thuộc[2]; (iii) Hồ sơ vị trí việc làm[3].	Theo thời hạn quy định trong Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương

[1] Bộ, cơ quan ngang bộ: Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ; Địa phương (cấp tỉnh, xã): Khối UBND: Thông tư của các bộ quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn (Sở, ngành); Quyết định của UBND cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn thuộc UBND nhân dân cấp xã.

[2] Gồm: (1) Quyết định của Trưởng Ban, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các vụ, cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Đối với cục, vụ, đơn vị sự nghiệp có tổ chức bên trong thì gửi kèm theo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức bên trong); (2) Quyết định của Giám đốc Sở, ngành cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ngành (Đối với chi cục, đơn vị sự nghiệp có tổ chức bên trong thì gửi kèm theo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức bên trong).

[3] Gồm: (1) Các quyết định phê duyệt danh mục VTVL của cơ quan, đơn vị; (2) Các bản mô tả công việc và khung năng lực của từng VTVL; (3) Các quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh danh mục, bản mô tả công việc, khung năng lực phát sinh trong quá trình vận hành.

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
13.	Tổng hợp các biểu mẫu, hoàn thành rà soát, kê khai, kiểm tra và gửi bộ dữ liệu ban đầu về Ban Tổ chức Trung ương.	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ biểu mẫu được điền đủ các dữ liệu theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương	Trước ngày 10/11/2026
14.	Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương kiểm tra, đối chiếu và chuẩn hoá dữ liệu, xác nhận phạm vi trùng lặp, chênh lệch giữa các biểu và yêu cầu bổ sung những trường còn thiếu. Tiếp tục xác định nhu cầu nhân lực trên cơ sở dữ liệu đủ điều kiện	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ biểu mẫu được hoàn thiện	Từ ngày 10/11/2026 đến ngày 15/11/2026
15.	Xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027-2031 gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Các bộ, cơ quan ngang bộ (cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan Đảng ủy Chính phủ)	Bộ Nội vụ	Phương án biên chế giai đoạn 2027-2031 của từng bộ, cơ quan	Trước ngày 10/11/2026
16.	Hoàn thành việc xác định nhu cầu nhân lực, đối chiếu với số người hiện có, khả năng cơ cấu lại gắn với việc xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027-2031.	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Phương án nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi Chính phủ quản lý	Trước ngày 20/11/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
17.	Tổng hợp, xây dựng Phương án biên chế giai đoạn 2027 – 2031 thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, gửi Ban Tổ chức Trung ương	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Phương án biên chế giai đoạn 2027 – 2031 thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ	Trước ngày 20/11/2026
18.	Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thống nhất cấu trúc, phạm vi, phương thức tiếp nhận, quản lý và khai thác dữ liệu; tổ chức đối chiếu, kiểm tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về vị trí việc làm, bảo đảm kết nối, liên thông trong cả hệ thống chính trị và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu được đưa vào vận hành	Trước ngày 31/12/2026
19.	Bảo đảm hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác và dữ liệu cá nhân trong thu thập, kết nối, khai thác dữ liệu vị trí việc làm.	Bộ Công an	Bộ Nội vụ; Ban Tổ chức Trung ương	Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin	Trước ngày 31/12/2026
20.	Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện hằng tháng theo Phụ lục VII Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương; riêng tháng 11/2026 gửi kết quả theo các mốc tại Mục III, IV.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Nội vụ	Báo cáo tháng	Trước ngày 20 hằng tháng (từ tháng 11/2026)

B. CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2027 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
1	Rà soát, hoàn thiện các quy định, danh mục bản mô tả công việc, khung năng lực, phương pháp, tiêu chuẩn và định mức theo thẩm quyền	Bộ Nội vụ	Ban Tổ chức Trung ương; Bộ Tư pháp; các bộ, cơ quan ngang bộ	- Báo cáo rà soát, - Các văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện	Năm 2027
2	Chuẩn hóa danh mục vị trí việc làm chuyên ngành, bản mô tả công việc, khung năng lực; công bố, xác nhận định mức, thời gian tham chiếu của sản phẩm phổ biến thuộc ngành, lĩnh vực; sửa đổi văn bản theo danh mục đã rà soát năm 2026.	Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực	Bộ Nội vụ; Ban Tổ chức Trung ương	Văn bản của bộ quản lý ngành, lĩnh vực	Năm 2027
3	Chuẩn hóa danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực công chức lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ; mã định danh vị trí việc làm tại các bộ, ngành, địa phương.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Nội vụ; Ban Tổ chức Trung ương	Danh mục, bản mô tả, khung năng lực chuẩn hóa, mã định danh vị trí việc làm	Năm 2027
4	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật để thực hiện các đề xuất về cắt giảm, phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.	Các bộ, cơ quan ngang bộ theo thẩm quyền	Bộ Tư pháp	Văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện	Năm 2027
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ công cơ bản.	Bộ Tài chính	Bộ Tư pháp; các bộ quản lý ngành, lĩnh vực (giáo dục, y tế, văn hóa…)	Nghị định	Năm 2027